

# Bản tin chứng khoán

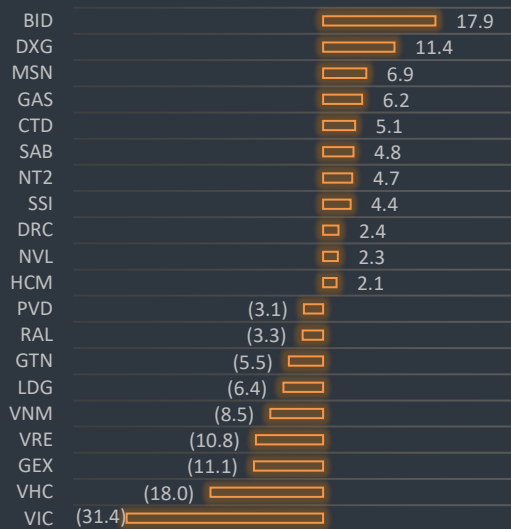
## Trong số này

- Nhận định **P.1**
- Phân tích Kỹ Thuật **P.3**
- Kết quả kinh doanh **P.4**
- Tin tức doanh nghiệp **P.6**

### Độ rộng thị trường



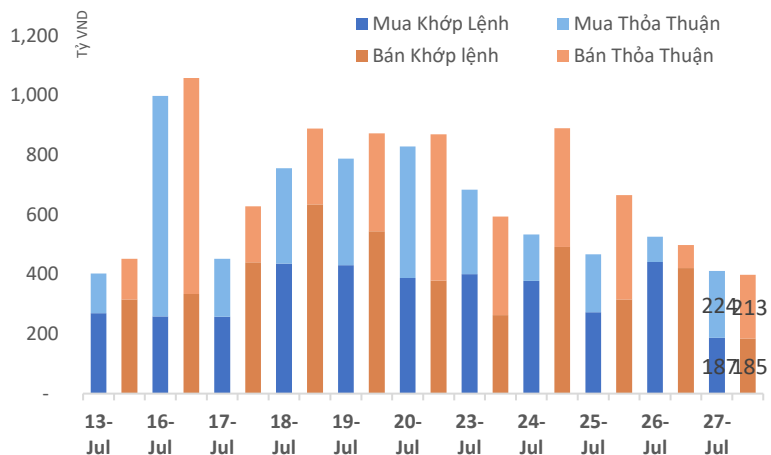
### Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường phiên cuối tuần suy yếu nhẹ về thanh khoản khi sự hào hứng với dòng cổ phiếu penny có phần hạ nhiệt. Giá trị giao dịch cả hai sàn vẫn duy trì mức khá tầm 4,000 tỷ. FLC vẫn tăng khá mạnh lên vùng giá 6 sau khi khả năng Bamboo Airways có thể bay sớm vào đầu Quý IV. HAG và HNG tiếp tục tăng trần sau khi những thông tin về việc HAG có hướng ra trong việc cấu trúc lại tài chính trong thời gian tới.

Nhóm Mid cap đặc biệt ở bất động sản với DXG, LDG, DIG nổi bật nhất về giao dịch lẫn sự tăng trưởng về giá. Dòng tiền cũng quay lại nhóm ngân hàng đẩy nhóm này khởi sắc trở lại. Không những vậy VPB, MBB còn đứng đầu giao dịch trong ngày. BID, ACB, MBB, HDB và CTG là những cổ phiếu tăng tốt nhất trong nhóm ngân hàng.

Khối ngoại mua bán cân bằng ở phiên cuối tuần và cũng giảm nhẹ giao dịch. Tổng cộng cả tuần khối ngoại bán ròng khoảng 423 tỷ đồng, chủ yếu là giao dịch thỏa thuận. VIC và VRE bán ròng nhiều nhất tổng cộng 548 tỷ đồng, HPG bán ròng 228 tỷ. Phía mua ròng nhiều nhất ở VNM khoảng 104 tỷ đồng, VCB 90.2 tỷ, DXG 81.4 tỷ. Nhóm HCM, BID, MSN, GAS cũng được khối ngoại mua nhiều trong tuần qua.



# Vnindex 935.52

▲ +5.36 (+0.58%)

## Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
HNG	14,500	16.35	6.86
PNJ	15,160	93.5	3.89
MWG	35,008	113.8	3.45
BID	84,784	24.8	2.9
MBB	41,757	23	2.22
HPG	56,581	37.3	2.19
BHN	19,471	84	2.19
GAS	162,252	84.8	2.05
HDB	32,765	33.4	1.83
FPT	26,567	43.3	1.76
CTG	87,128	23.4	1.74
NVL	37,993	61	1.5
PLX	65,705	56.7	1.25
VPB	63,969	26.4	0.76
SSI	13,667	27.9	0.72
DHG	13,048	99.8	0.6
TCB	30,246	25.95	0.58
VJC	62,060	137.5	0.44
VIC	339,589	106.4	0.38
TPB	14,763	26.6	0.38
MSN	93,344	81.3	0.37
SAB	132,745	207	0
VHM	283,771	105.9	-0.09
ROS	24,123	42.5	-0.12
BVH	50,287	73.9	-0.14
VCB	203,274	56.5	-0.35
STB	20,201	11.2	-0.44
EIB	17,212	14	-1.06
VNM	244,980	168.8	-1.57
VRE	74,522	39.2	-2.24



Chỉ số Vnindex đi ngang trong tuần này với thanh khoản tiếp tục giữ ở mức trung bình khá khoảng 200 triệu cổ phiếu mỗi ngày ở sàn HOSE. Nếu như đầu tuần một loạt cổ phiếu thị giá nhỏ nổi sóng như HNG, DLG, HQC, HAI, HAR, FLC... thì sau đó vài phiên đã hạ nhiệt nhanh chóng và chỉ những cổ phiếu có tin hỗ trợ đặc biệt mới còn lực để tăng tiếp. Một số cổ phiếu dòng mid cap như DXG, DIG, HCM, HDG, DGW... đang có dấu hiệu phục hồi trở lại sau khi giá đã giảm nhiều trong khi hoạt động kinh doanh chính vẫn giữ nhịp tăng trưởng. Các tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn cho thấy thị trường đang ở vùng quá mua và có thể chịu áp lực bán ra trong vài phiên đầu tuần. Cho đến hiện tại thị trường vẫn ở mức trung tính với chỉ số Vnindex tiếp tục di chuyển trong biên độ hẹp. Việc lựa chọn và nắm giữ cổ phiếu tăng trưởng sẽ hiệu quả hơn là lướt sóng theo chỉ số thị trường.

Vào cuối tuần GSO vừa công bố CPI tháng 7 giảm 0.09% đưa chỉ số CPI bình quân 7 tháng tăng 3.45% so với bình quân cùng kỳ. Không nằm ngoài dự báo, chỉ số CPI ngành y tế giảm cao nhất 5.85% đặc biệt là nhóm dịch vụ y tế đã giảm mạnh 7,58%. Đây là một sự điều chỉnh chủ quan của cơ quan đầu ngành nhằm kéo CPI hạ nhiệt. Một yếu tố khác góp phần làm giảm CPI là giá dầu cũng điều chỉnh giảm kéo theo nhóm giao thông giảm theo 0.52% trong tháng 7. Với tình hình vĩ mô năm nay thì việc giữ CPI khoảng 4.5% cả năm có thể xem là một thành công bên cạnh việc kiểm soát tỷ giá.

Ngày cuối tuần tỷ giá tự do đã leo thang lên 23,480 đồng. Các cửa hàng sẵn sàng thu mua USD ở mức rất cao 23,430 – dao động từ 40 – 50đ so với mức bán ra. Hiện NHNN đang giữ tỷ giá trung tâm 22.649 đồng/USD, giới hạn tỷ giá giao dịch tại các ngân hàng trong khoảng từ 21.970 - 23.328 đồng/USD. Như vậy giá USD trên thị trường tự do đã bỏ xa tới gần 50 đồng so với mức trần NHNN. Tình hình tỷ giá USD/CYN vẫn khó lường khi đã lên mức 6.81 – cao nhất từ hồi tháng 5.2017. Tỷ giá USD/CYN lập đỉnh 6.94 là vào tháng 12.2016 và hiện chưa thấy có dấu hiệu tình hình tỷ giá sẽ hạ nhiệt. Rất có thể trong ngắn hạn NHNN sẽ phải nới rộng lên tỷ giá trung tâm và có thể kiểm soát tỷ giá trong giới hạn 3% trong năm nay.



## Bộ lọc cổ phiếu tiềm năng trong tuần

Ticker	Close	% so với Đỉnh	% so với Đáy	Vol3T	RSI	StochK	Hỗ trợ mạnh	Xu hướng
ACB	35.6	-30.3%	19.1%	4,677,557	57.1	44.4	32.0	Trung tính
BID	24.8	-45.5%	14.8%	3,234,236	55.2	27.1	22.0	Tích cực
CTD	147	-26.9%	20.5%	210,730	52.5	40.1	135.0	Tích cực
CTG	23.4	-37.9%	14.1%	5,310,998	50.6	16.7	20.5	Tích cực
DGW	22.9	-22.9%	14.5%	337,917	50.2	37.3	20.0	Tích cực
DIG	15.8	-44.6%	15.3%	1,673,148	60.2	32.1	14.3	Tích cực
DXG	26.4	-25.0%	31.3%	4,058,479	79	75.5	24.5	Tích cực
FLC	6.1	-7.6%	35.6%	8,660,658	79	82.6	5.0	Tích cực
FPT	43.3	-20.7%	11.6%	931,332	75.4	57.4	40	Tích cực
HAG	7.1	-13.4%	61.4%	8,346,498	71.1	65.8	6.0	Tích cực
HCM	54	-40.0%	14.9%	314,582	56.8	30.1	50.5	Tích cực
HDB	33.4	-33.2%	5.7%	1,518,108	39.8	15.5	31.6	Tích cực
HDG	36.7	-31.4%	11.9%	112,847	83	82.7	34.8	Tích cực
MWG	113.8	-14.0%	17.8%	675,642	64.1	30.6	106.0	Tích cực
REE	34	-17.3%	14.9%	375,434	74.2	62.2	30.5	Trung tính
VCB	56.5	-24.4%	20.7%	2,522,581	54.5	37.9	52.0	Tích cực
VCI	54.2	-37.2%	3.6%	92,825	49.1	13.3	52.3	Tích cực
VIC	106.4	-4.6%	64.7%	1,635,349	73.4	65.5	100.0	Trung tính

- % So với Đỉnh, Đáy: So sánh với giá 6 tháng gần nhất:



## Kết quả kinh doanh quý 2 một số doanh nghiệp đáng chú ý

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			LN 4quý	EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/-Cùng kỳ (%)	Lũy kế 6T2018			
ABT	HOSE	29.36	526	38.36	54.17	4,712	8.6
AGM	HOSE	7.72	236.7	10.96	16.73	921	9.8
AGR	HOSE	14.54	(57.1)	26.6	3.28	16	241.2
ANV	HOSE	113.34	310.2	189.2	269.17	2,159	8.6
APC	HOSE	21.13	22.6	34.8	73.55	6,231	5.3
ASP	HOSE	14.42	13.8	20.9	46.10	1,235	5.9
BAX	HNX	5.57	10.3	10.46	25.54	3,115	7.2
BBC	HOSE	7.71	2.2	25.6	97.00	6,290	11.2
BCC	HNX	18.81	150.5	-	na	na	na
BCE	HOSE	13.64	(22.7)	13.7	22.39	746	7.2
BMI	HOSE	65.86	31.2	133.8	206.40	2,259	8.6
BMP	HOSE	139.93	9.4	226.5	469.84	5,739	9.5
BSI	HOSE	122.29	25.6	179.8	234.84	2,182	5.4
BTP	HOSE	6.53	(47.2)	116.0	229.28	3,791	3.0
BTS	HNX	35.5	439	-	na	na	na
BVS	HNX	26.59	(24.6)	55.5	116.36	1,611	11.0
C32	HOSE	35.79	37.4	48.1	98.41	7,202	3.7
CAP	HNX	21.63	1930.7	31.97	36.07	7,578	5.7
CAV	HOSE	81.15	(5.2)	162.8	330.27	5,734	9.7
CCI	HOSE	9.83	19.1	12.0	26.87	1,532	9.7
CCL	HOSE	7.58	413.7	12.74	20.89	440	9.2
CDC	HOSE	8.90	11.1	17.1	30.02	1,911	8.6
CDN	HNX	38.41	12.8	73.9	137.70	1,391	10.7
CHP	HOSE	55.44	(5.3)	-	na	na	na
CIA	HNX	10.11	-	30.17	na	na	na
CIG	HOSE	15.56	1960.6	16.37	19.34	626	6.0
CLC	HOSE	36.70	36.5	64.8	114.20	4,358	6.9
CLH	HNX	7.73	25.8	13.67	29.89	2,989	5.3
CLL	HOSE	22.74	17.0	46.1	91.04	2,678	10.9
CMV	HOSE	5.9	2.8	11.82	23.65	1,954	10.7
CMX	HOSE	13.11	86	17.32	29.30	2,216	2.5
CNG	HOSE	26.83	8.6	42.2	100.04	3,705	7.4
COM	HOSE	21.62	(6.9)	40.0	91.82	6,503	8.8
CSM	HOSE	5.69	(68.4)	9.9	17.53	169	79.8
CSV	HOSE	71.45	22.4	127.8	264.38	5,981	4.9
CTD	HOSE	427.91	3.8	718.2	1,657.81	21,176	7.0
CTS	HOSE	15.23	(59.9)	63.3	104.31	1,069	10.6
CVT	HOSE	38.59	(19.7)	72.6	171.32	6,070	4.0
D2D	HOSE	18.33	127.8	40.3	79.46	7,458	8.8
DAD	HNX	12.22	(2.0)	13.2	9.77	2,096	7.9

Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			LN 4quý	EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/- Cùng kỳ (%)	Lũy kế 6T2018			
DAT	HOSE	11.17	83	17.65	31.40	717	23.3
DBC	HNX	82.62	349.2	92.82	312.58	3,774	6.5
DBD	HOSE	41.26	21.6	82.4	na	na	na
DGL	HNX	197.95	402.8	356.7	519.10	5,202	6.5
DGW	HOSE	22.59	10.7	41.7	90.99	2,241	10.2
DHA	HOSE	18.91	3.4	32.8	59.83	3,972	6.9
DHC	HOSE	40.75	159.6	64.1	115.14	3,341	11.7
DHG	HOSE	139.88	(24.7)	311.4	594.95	4,550	21.8
DHT	HNX	17.22	18.6	38.6	87.94	7,001	5.2
DMC	HOSE	55.47	(5.7)	107.6	208.42	6,002	14.2
DNY	HNX	6.11	(47.3)	-	na	na	na
DP3	HNX	34.32	399.0	53.1	73.09	10,748	8.7
DPG	HOSE	30.06	-	50.2	na	na	na
DPM	HOSE	215.03	(6.9)	395.2	648.97	1,658	10.9
DPR	HOSE	47.13	(0.4)	150.4	254.08	6,332	6.1
DRC	HOSE	54.35	56.7	75.1	131.46	1,107	20.6
DRH	HOSE	6.80	(70.6)	19.0	56.17	1,150	12.9
DRL	HOSE	12.65	(34.3)	30.9	59.20	6,232	8.5
DSN	HOSE	38.55	12.0	58.7	93.53	7,741	7.0
DVP	HOSE	78.19	(4.7)	133.6	273.01	6,825	7.1
DXG	HOSE	113.65	121.5	432.2	1,314.68	4,340	5.6
DXP	HNX	6.11	(27.7)	11.0	23.32	898	12.8
EBS	HNX	5.59	(14.2)	-	na	na	na
EID	HNX	24.33	(7.2)	26.4	35.90	2,393	5.6
EVG	HOSE	9.21	8.9	13.9	21.34	711	6.8
FMC	HOSE	32.41	122.9	51.4	129.25	3,314	6.2
FRT	HOSE	82.65	28.3	146.53	na	na	na
FTM	HOSE	13.5	79.2	24.75	44.48	890	21.3
FTS	HOSE	59.36	44.8	122.3	224.65	2,261	5.8
GAS	HOSE	3,122.17	72.6	5,730.2	11,566.78	6,043	13.8
GDT	HOSE	25.39	3.6	43.6	87.99	5,923	7.4
GMX	HNX	8.28	18.3	10.8	21.07	3,964	6.3
GSP	HOSE	21.93	76.6	35.3	61.26	2,042	6.4
GTA	HOSE	5.82	13.4	9.58	16.57	1,685	8.4
HAP	HOSE	9.02	91.4	16.25	23.20	418	9.3
HAT	HNX	17.37	46.8	19.1	34.42	11,023	3.6
HAX	HOSE	33.23	561.5	35.19	100.41	2,868	5.9
HCC	HNX	6.31	(29.8)	10.3	15.49	2,376	6.5
HCD	HOSE	11.07	82.3	17.26	28.40	1,052	12.4
HCM	HOSE	147.24	7.6	471.9	794.25	6,130	8.2
HGM	HNX	5.63	-54.8	18.02	38.26	3,210	14.0
HJS	HNX	22.61	27.0	29.4	44.09	2,100	10.7
HLC	HNX	16.41	(9.2)	22.9	54.73	2,153	2.9
HLD	HNX	17.22	519.8	22.75	74.24	3,712	4.0
HLG	HOSE	20.96	(43.4)	31.3	96.41	2,180	4.2
HMC	HOSE	32.05	166.5	48.3	100.22	4,786	2.8
HQC	HOSE	10.90	(65.5)	21.4	54.95	118	16.6
HSG	HOSE	87.18	-79	420.59	958.31	2,738	4.0
HT1	HOSE	242	108.7	323.71	569.85	1,494	8.2
HTI	HOSE	17.41	7.4	34.33	66.10	2,649	4.5
HTV	HOSE	6.59	24	10.5	20.54	1,568	10.5
HVT	HNX	21.06	59.1	42.25	88.43	8,048	5.7
IDV	HNX	28.16	322.4	36.55	62.63	3,884	8.1
IMP	HOSE	31.06	-8.3	63.94	121.50	2,828	18.0
KHP	HOSE	28.76	218.1	50.16	119.69	2,988	3.2
KHS	HNX	5.71	-	13.56	na	na	na
KSB	HOSE	79.39	-4.2	149.2	282.60	6,038	5.1
L10	HOSE	5.86	-19.3	8.09	22.05	2,252	8.9
L14	HNX	25.67	69.8	37.91	74.52	4,969	6.8
LDG	HOSE	11.52	-85.8	16.35	163.73	1,024	12.2



Mã CK	Sàn	Lợi nhuận ròng			LN 4quý	EPS 4quý	P/E Hiện tại
		Q2/2018	+/-Cùng kỳ(%)	Lũy kế 6T2018			
LHG	HOSE	46.21	297.3	122.18	258.94	5,178	3.6
LIX	HOSE	40.69	1.4	73.96	153.41	4,735	8.5
MBB	HOSE	1491.43	34.6	3040.31	4,566.29	2,515	8.7
MBS	HNX	55.1	985.6	125.87	137.05	1,122	14.3
NBC	HNX	15	53.9	21.34	85.05	2,299	2.7
NCT	HOSE	62.82	11.4	126.97	277.22	10,595	8.1
NDN	HNX	21.18	49.2	48.98	111.21	2,806	5.0
NET	HNX	14.63	-10	28.2	52.20	2,330	9.4
NFC	HNX	9.1	15.7	15.88	20.91	1,329	6.2
NHA	HNX	5.03	-40.2	8.04	18.95	1,485	5.9
NLG	HOSE	183.37	-36.5	215.08	661.26	4,206	7.2
NNC	HOSE	53.2	-2.1	87.53	184.07	8,397	6.1
NSC	HOSE	71.22	46.6	113.95	23.53	1,540	72.5
NT2	HOSE	268.59	41.4	503.65	857.75	2,980	8.8
NTL	HOSE	8.11	33.3	17.73	102.77	1,685	5.8
NTP	HNX	109.37	0.8	149.7	440.12	4,932	8.6
OPC	HOSE	24.03	19.7	51.92	95.39	3,769	12.2
PAC	HOSE	27.75	-50.6	57.18	108.71	2,339	16.9
PDB	HNX	6.92	-	11.26	17.24	1,934	5.3
PDN	HOSE	30.91	32	54.8	91.33	7,396	9.6
PDR	HOSE	88.18	8.4	240.73	563.15	2,537	9.9
PGD	HOSE	98.53	100.6	142.44	271.37	3,015	12.9
PGS	HNX	27.89	-5.2	47.36	102.80	2,056	17.0
PHR	HOSE	103.74	38.9	196.13	389.21	4,959	4.0
PIC	HNX	11.7	6.5	27.76	39.53	1,304	10.7
PLP	HOSE	31.02	-	48.15	100.75	6,717	2.1
PMC	HNX	17.53	3.5	36.52	74.26	7,957	7.3
PME	HOSE	84	3.4	157.12	295.33	4,528	15.5
PNJ	HOSE	180.44	39.9	516.7	864.62	7,998	11.5
PPC	HOSE	524.52	16.2	715.35	957.71	2,987	6.0
PSD	HNX	10.7	-23.4	24.77	65.12	3,063	4.4
PVI	HNX	66.32	-54.3	228.31	523.15	2,283	12.7
QBS	HOSE	12.02	-57.1	22.77	(22.97)	(331)	na
RAL	HOSE	31.67	-8.3	80.71	211.42	18,384	4.6
S4A	HOSE	23.3	-34.6	45.31	129.24	3,062	8.6
SAF	HNX	9.69	25.7	20.84	37.65	4,754	14.7
SC5	HOSE	14.82	47.9	16.16	56.61	3,778	7.4
SCJ	HNX	9.09	261.8	-	na	na	na
SD6	HNX	6.68	-9.1	8.47	25.74	740	7.0
SDG	HNX	18.57	82	27.42	25.95	4,200	6.6
SEB	HNX	36.61	-25	95.95	163.78	8,189	4.4
SED	HNX	21.72	-9.5	28.86	35.62	3,562	5.2
SFC	HOSE	9.37	17.9	15.37	27.12	2,414	9.1
SHP	HOSE	44.15	28.1	-	na	na	na
SHS	HNX	39.5	-62.5	175.27	405.72	4,057	3.3
SJD	HOSE	61.76	-3.7	94.67	198.52	2,877	8.9
SKG	HOSE	62.01	0.7	102.42	170.57	3,555	5.7
SLS	HNX	27.41	163.6	57.65	115.30	11,775	5.3
SMB	HOSE	45.94	37.5	74.99	na	na	na
SMC	HOSE	85.67	90	159.18	284.96	6,785	2.7
SRC	HOSE	7.03	-41	11.98	21.74	775	16.0
SSC	HOSE	27.33	81.1	44.01	23.12	1,711	39.7
SSI	HOSE	320.25	5.2	736.25	1,298.41	2,598	10.2
STB	HOSE	371.28	75.6	768.01	1,476.82	819	13.7
STK	HOSE	43.28	83.9	83.4	132.21	2,206	6.9
SVI	HOSE	15.23	-16.6	29.62	60.70	4,730	8.5
SZL	HOSE	26.59	22.5	54.83	102.53	5,636	5.4
TBC	HOSE	26.96	-1.7	105.61	206.19	3,247	7.4
TCB	HOSE	2100.66	86.7	4149.68	na	na	na
TCL	HOSE	27.1	12.6	48.23	102.64	4,901	5.1
TCM	HOSE	67.19	-4.7	116.17	190.62	3,698	5.1
TCT	HOSE	7.15	42.9	66.41	73.31	5,733	11.1
TDN	HNX	14.53	369	29.48	48.73	1,655	3.0
THT	HNX	10.29	116.2	15.04	35.22	1,433	4.3
TIP	HOSE	11.93	-37.4	23.62	55.37	2,129	6.6
TIX	HOSE	19.68	-67.2	40.89	(37.74)	(1,430)	na
TKC	HNX	7.82	9.9	10.23	24.73	2,305	9.5
TKU	HNX	21.33	-11.7	40.38	72.87	2,426	4.5

## Sự Kiện

**CPI** : tháng 7/2018 giảm 0,09% so với tháng trước nhờ nhóm thuốc và dịch vụ y tế giảm cao nhất 5,85%. bình quân 7 tháng 2018 đã tăng 3,45% so cùng kỳ năm 2017.

**Du Lịch**: khách quốc tế ước tính đạt 9 triệu lượt người, tăng 25,4% so với cùng kỳ năm trước.

**USD**: Các cửa hàng đang sẵn sàng mua USD với giá 23.430 đồng. Ở chiều bán ra, giá USD dao động từ 23.460 - 23.480 đồng mỗi USD.

**USD/CYN**: Nhân dân tệ tiếp tục mất giá 6.81 ăn 1 USD. Đỉnh cao nhất gần đây là 6.96 vào tháng 12/2016.

# HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

**PNJ** - Công ty cổ phần Vàng bạc đá quý Phú Nhuận - 6 tháng đầu năm, doanh thu thuần của PNJ đạt 7.356 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ và hoàn thành 53% kế hoạch cả năm, trong đó, doanh thu bán lẻ trang sức là 5.884 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế 648,3 tỷ đồng, tăng 37% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế là 517 tỷ đồng, tăng 37% và hoàn thành 58% so với kế hoạch năm đều ra.

**CDO** - CTCP Tư vấn Thiết kế Phát triển Đô thị - Ngày 26/7/2018, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định hủy niêm yết bắt buộc đối với CDO kể từ ngày 06/8/2018. Theo HOSE, nguyên nhân CDO bị hủy niêm yết do công ty vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ công bố thông tin và xét thấy cần thiết phải hủy niêm yết nhằm bảo vệ quyền lợi nhà đầu tư.

**CCI** - CTCP Đầu tư phát triển công nghiệp – Thương mại Củ Chi - Thông báo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 với doanh thu hơn 200,7 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 12,03 tỷ đồng. Trong 6 tháng cuối năm, CCI đặt mục tiêu doanh thu 250 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 19,5 tỷ đồng.

**KDC** - CTCP Tập đoàn Kido - Ngày 26/7, HĐQT đã có quyết định thực hiện việc trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông bằng tiền mặt theo tỷ lệ 16%. Ngày đăng ký cuối cùng vào 10/8/2018, thanh toán bắt đầu từ ngày 04/9/2018.

**HT1** - CTCP Xi măng Hà Tiên 1 - Thông báo ông Nguyễn Tuấn Anh thôi chức vụ Chủ tịch HĐQT và từ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT kể từ ngày 25/7/2018 do có đơn từ nhiệm. Đồng thời, HT1 quyết định giao ông Lưu Đình Cường, Thành viên HĐQT tạm thời điều hành HĐQT kể từ ngày 25/7/2018.

**DPM** - Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Đã công bố báo cáo tài chính quý II/2018 với doanh thu thuần tăng 13,8% so với cùng kỳ đạt 2.699 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế 218,8 tỷ đồng giảm 6,3%. Lũy kế 6 tháng từ đầu năm, DPM đạt 4.783 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 10% so với cùng kỳ. Nhưng lợi nhuận sau thuế lại giảm 13% xuống còn 402 tỷ đồng.

**ACB** - Ngân hàng TMCP Á Châu - Đã có quyết định thực hiện việc phát hành hơn 162,6 triệu cổ phiếu mới để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, tương đương tỷ lệ phát hành 15% (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận 1,5 cổ phiếu mới). Thời gian thực hiện dự kiến trong quý III/2018.

Thu nhập từ lãi thuần và hoạt động dịch vụ của ACB đều tăng trong 6 tháng đầu năm nay, mang về lần lượt 4.862 tỷ đồng và 747 tỷ đồng. ACB đạt 3.151 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế và sau thuế là 2.462 tỷ đồng, gấp 2,5 lần cùng kỳ.



## Tăng giảm ngành trong ngày

Ngành	Tăng giảm (%)
Sản xuất ô tô-3.8%	-3.8%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa...	-0.2%
Thực phẩm	-0.2%
Nuôi trồng nông & hải sản	-0.1%
Hàng May mặc	-0.1%
Dịch vụ vận tải	0.2%
Xây dựng	0.2%
Nhựa, cao su & sợi	0.3%
Sản xuất & Phân phối Điện	0.4%
Khai khoáng	0.6%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	0.7%
Ngân hàng	1.0%
Môi giới chứng khoán	1.2%
Dược phẩm	1.2%
Bất động sản	1.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	1.4%
Thép và sản phẩm thép	1.6%
Vận tải Thủy	1.6%
Lốp xe	1.9%
Phân phối hàng chuyên dụng	2.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	2.8%

### Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

<b>Bất động sản:</b>	LDG, FLC, DXG
<b>Xây dựng:</b>	HUT, L14, UIC
<b>Dầu khí:</b>	PVB, PVE, GAS
<b>Chứng khoán:</b>	WSS, VCI, HCM
<b>Ngân hàng:</b>	ACB, MBB, HDB

### Bất động sản

LDG	6.7%
FLC	6.1%
DXG	5.6%
DIG	5.3%
D2D	4.7%
PDR	4.2%
SZL	-1.0%
FDC	-1.1%
NBB	-1.8%
DRH	-2.0%
KAC	-6.8%
PIV	-7.1%

### Xây dựng

HUT	7.4%
L14	5.0%
UIC	3.7%
S99	3.4%
EVG	3.1%
HBC	2.4%
CEE	-1.1%
FCN	-1.9%
PXS	-5.3%
VCG	-6.7%
SC5	-6.9%
PVX	-7.1%
V87	7.7%

### Dầu khí

PVB	9.7%
PVE	4.3%
GAS	2.0%
PGD	0.0%
PVG	0.0%
ASP	0.0%
PVC	0.0%
PVS	0.0%
CNG	-0.2%
PVD	-0.4%
PGC	-1.1%
PGS	-4.5%

### Chứng khoán

WSS	3.7%
VCI	3.0%
HCM	2.9%
MBS	2.5%
CTS	2.3%
SHS	2.2%
VDS	2.0%
FTS	-2.6%
VIX	-2.9%
IV9	3.9%

### Ngân hàng

ACB	2.3%
MBB	2.2%
HDB	1.8%
CTG	1.7%
SHB	1.3%
VPB	0.8%
TCB	0.6%
VCB	-0.4%
STB	-0.4%
EIB	-1.1%

### Thép

HPG	2.2%
NKG	2.1%
VGS	1.9%
HSG	1.9%
TLH	0.4%
VIS	0.3%
SHI	0.2%
ITQ	-2.6%





## BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh

Tel: 0983.999.350

khanhnh@vise.com.vn

## Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

**VISecurities**  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

### Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

### Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931